

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 11 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện với nội dung như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Cụ thể hóa việc tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TU ngày 21/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 41-NQ/TU).

Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể và UBND huyện, thị xã, thành phố trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 41-NQ/TU.

##### 2. Yêu cầu

Việc triển khai Nghị quyết số 41-NQ/TU phải được thực hiện đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

Có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 41-NQ/TU.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ

sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần phát triển bền vững, bao trùm bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Mục tiêu đến năm 2025: Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm về mức khoảng 0,5% theo chuẩn nghèo đa chiều.

*(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)*

Các chỉ tiêu mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản đến năm 2025:

- Chiều việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiều y tế: Tiếp tục duy trì 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn dưới 9% và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi xuống còn dưới 15%.

- Chiều giáo dục, đào tạo: Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi; tỷ lệ người lao động đủ điều kiện làm việc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt trên 68%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 29%; 100% người lao động đủ điều kiện làm việc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều nhà ở: 100% hộ nghèo có khó khăn về nhà ở có nhu cầu xây mới, sửa chữa được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở.

- Chiều nước sinh hoạt và vệ sinh: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trên 86% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thông tin: Trên 98% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

*(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)*

b) Định hướng đến năm 2030: Phần đầu không còn hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều.

## **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững**

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở; xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án... về giảm nghèo bền vững phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Chính quyền các cấp xây dựng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo phù hợp của các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm. Trong đó từng địa phương phải ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện cụ thể, tránh hình thức, đảm bảo các giải pháp giảm nghèo phải tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến đời sống nhân dân, cải thiện thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tăng cường vận động nhân dân tham gia giảm nghèo và thực hiện giám sát, phản biện xã hội về các chính sách giảm nghèo; phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo bền vững đến đoàn viên, hội viên và nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác giảm nghèo trong đời sống xã hội.

## **2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về công tác giảm nghèo; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Phát động và lan tỏa sâu rộng tinh thần “Toàn dân chung tay xây dựng xã hội không còn người nghèo” đến mọi người dân trong tỉnh. Kịp thời, phát hiện, biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong thực hiện công tác giảm nghèo.

- Tuyên truyền, cổ vũ, động viên hộ nghèo, hộ cận nghèo có thêm nghị lực, động lực vượt khó, thoát nghèo và khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng.

## **3. Huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững**

- Nghiên cứu, xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững trong các ngành, lĩnh vực, địa phương. Tăng cường huy động các nguồn lực trong xã hội để thực hiện công tác giảm nghèo. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; vận động xây dựng Quỹ

“Vì người nghèo” các cấp, các phong trào hỗ trợ hộ nghèo của các hội, đoàn thể, các tổ chức, nhóm thiện nguyện, nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội và thu hút các dự án đầu tư vào những nơi tập trung nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo. Thực hiện tốt công tác phối hợp, lồng ghép, phân bổ, sử dụng các nguồn lực trong tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, kế hoạch,... giảm nghèo, đảm bảo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm. Khuyến khích các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, hỗ trợ các địa phương còn khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập tại chỗ cho người dân.

- Tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội; nghiên cứu, mở rộng phạm vi, đối tượng, nguồn vốn, mức cho vay, điều kiện vay ưu đãi; đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn hợp pháp của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác.

#### **4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững**

- Thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về giảm nghèo các cấp theo hướng tập trung, thống nhất đầu mối quản lý; tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cán bộ ở cơ sở. Chú trọng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu trong quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu thực hiện chính sách an sinh xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hóa, thị trường tài chính.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả việc sử dụng nguồn lực trong thực hiện công tác giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đảm bảo các chế độ, chính sách hỗ trợ giảm nghèo được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện công tác giảm nghèo.

#### **5. Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo trên cơ sở đánh giá các nguyên nhân dẫn đến nghèo và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản**

a) Về giải quyết các nguyên nhân dẫn đến nghèo

- Đối với hộ không có đất sản xuất: Rà soát, nâng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm, giới thiệu việc làm cho người không có đất sản xuất, nhất là những người ở độ tuổi từ 45 đến 60 tuổi, đồng thời đẩy mạnh công tác hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, kết nối việc làm phù hợp cho các đối tượng khác không có đất sản xuất.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đối với hộ không có vốn sản xuất, kinh doanh, không có công cụ/phương tiện sản xuất:

Thực hiện tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm để từ đó mạnh dạn vay vốn sản xuất, vay vốn mua trang thiết bị sản xuất và sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

Hỗ trợ về phát triển sản xuất thông qua con giống, giá thể, phân bón, thuốc bảo vệ thực phẩm, chế phẩm sinh học; vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch...

Hướng dẫn, tổ chức triển khai hiệu quả, chất lượng các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, gắn việc triển khai tín dụng chính sách với định hướng về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ người dân kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm. Quan tâm đầu tư vốn tín dụng chính sách cho các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, thu hút nhiều lao động, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Đối với hộ không có lao động, hộ có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: Thường xuyên rà soát, phân loại nhóm đối tượng không có khả năng thoát nghèo để có biện pháp, chính sách phù hợp. Xây dựng và ban hành chính sách nâng mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội không có khả năng lao động, ưu tiên nhóm đối tượng là người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đưa một số nhóm đối tượng đặc biệt khó khăn khác thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động vào nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, hưởng mức trợ cấp xã hội hằng tháng vượt trên mức chuẩn nghèo đa chiều, góp phần nâng cao mức sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo, giúp họ ổn định cuộc sống, thoát nghèo bền vững.

Các địa phương căn cứ tình hình thực tiễn, xây dựng kế hoạch bảo trợ dài hạn đối với hộ nghèo không có khả năng lao động bằng các hình thức khác nhau như vận động các tổ chức, cá nhân “bảo trợ” hằng tháng cho hộ nghèo, thực hiện

mô hình các hộ khá giả giúp đỡ hộ nghèo hoặc mỗi chi bộ, hội, đoàn thể hỗ trợ hộ nghèo thoát nghèo.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Đối với hộ không có kiến thức về sản xuất, hộ không có kỹ năng lao động, sản xuất: Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng lao động, sản xuất. Tăng cường tập huấn, tư vấn, hỗ trợ về công tác quảng bá, xúc tiến thương mại; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và tem, nhãn sản phẩm; xây dựng mối liên kết giữa nhà nông, nhà khoa học và doanh nghiệp trong hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng thương hiệu và hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa. Thực hiện hiệu quả dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, nhất là chuyển giao mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên cơ sở phối hợp, lồng ghép các nguồn lực. Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển các hoạt động sinh kế tại chỗ nhằm phát huy lợi thế của mỗi địa phương, khai thác những sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh theo vùng, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, đảm bảo hộ thoát nghèo bền vững, hạn chế hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **b) Về giải quyết các mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản**

- Về việc làm:

Căn cứ vào tiềm năng phát triển của các doanh nghiệp, năng lực của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thường xuyên khảo sát, đánh giá, phân loại nhu cầu của người lao động về năng lực, việc làm, lao động nhằm mục đích hướng dẫn, xây dựng chính sách tiếp cận, kết nối người lao động với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, đối tượng yếu thế.

Xây dựng cơ chế, chính sách về thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở,... cho người lao động nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao trở về địa phương làm việc, lao động trẻ về nông thôn làm việc ổn định, lâu dài, góp phần tăng cường nguồn nhân lực cho các ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận lao động thuộc các hộ nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế vào làm việc.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Về y tế: Tiếp tục rà soát các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng tham gia bảo hiểm y tế, có lộ trình xây dựng chính sách hỗ trợ

mức đóng bảo hiểm y tế hàng năm đối với người ốm đau dài hạn, người mắc bệnh hiểm nghèo.

Đẩy mạnh công tác hỗ trợ can thiệp trực tiếp cho đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng. Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng đảm bảo chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng ở mức giảm hàng năm.

*Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Y tế*

- Về giáo dục và đào tạo: Sửa đổi, bổ sung và ban hành chính sách hỗ trợ, miễn, giảm học phí, chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Chú trọng đầu tư hệ thống giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và số lượng lao động có nền tảng thông qua tăng tỷ lệ học sinh đến trường, hoàn thành các bậc học cơ sở, trung học góp phần nâng cao nhân lực được đào tạo hoàn thành bậc học phổ thông.

Có cơ chế, chính sách miễn, giảm chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghề, kỹ năng lao động, làm việc, kinh doanh, quản lý; hỗ trợ, nâng mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế khác trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chuyển đổi linh hoạt trong công tác đào tạo các ngành nghề đảm bảo “sát, đúng, trúng” với nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng nguồn nhân lực. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, tiếp nhận, đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế khác.

*Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

- Về nhà ở: Quan tâm, hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở, có nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở; hướng tới 100% hộ nghèo trên toàn tỉnh có khó khăn về nhà ở, có nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về nhà ở.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, cận nghèo của tỉnh theo Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ Vì người nghèo các cấp.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Xây dựng; Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh phối hợp thực hiện.

- Về nước sinh hoạt và vệ sinh: Tuyên truyền, huy động các nguồn lực tham gia và có chính sách hỗ trợ người nghèo xây dựng, hoàn thiện các công trình phụ, hệ thống nước sinh hoạt của nhà ở góp phần giảm tỷ lệ thiếu hụt về chỉ số đo lường nhà tiêu hợp vệ sinh và nguồn nước sinh hoạt. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành, giám sát thực hiện công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận dễ dàng với nước sạch.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế.

- Về thông tin: Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin (ti vi, radio, máy tính và điện thoại có kết nối mạng). Có cơ chế hỗ trợ, hướng dẫn hộ nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông nhằm tăng khả năng tiếp cận thông tin, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân, góp phần giảm chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về sử dụng dịch vụ viễn thông và phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin. Thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh, thiết bị di động, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho hộ nghèo theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, hướng tới 100% hộ nghèo có nhu cầu được hỗ trợ, tham gia Chương trình.

*Đơn vị chủ trì thực hiện:* Sở Thông tin và Truyền thông.

*(Có Phụ lục 3: Nhiệm vụ xây dựng các chính sách giảm nghèo đặc thù trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 kèm theo)*

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện từ nguồn Ngân sách Nhà nước hàng năm theo phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hiện hành; nguồn vốn tín dụng để cho vay thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; Quỹ “Vì người nghèo; nguồn vận động, xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ.

- Chủ trì thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế khác.

- Chủ trì tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách: miễn, giảm chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghề, kỹ năng lao động, làm việc, kinh doanh, quản lý và hỗ trợ, nâng mức hỗ trợ đào tạo nghề; hỗ trợ tiếp cận, kết nối người lao động với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, đối tượng yếu thế; thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở,... cho người lao động nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao trở về địa phương làm việc, lao động trẻ về nông thôn làm việc ổn định, lâu dài, góp phần tăng cường nguồn nhân lực cho các ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận lao động thuộc hộ nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế vào làm việc; nâng mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội không có khả năng lao động.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tổng hợp, dự kiến kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện Kế hoạch.

**3. Sở Tài chính:** Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

#### **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; tham mưu nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận với nguồn nước sạch trong sinh hoạt.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

#### **5. Sở Y tế**

- Tiếp tục chủ trì thực hiện tốt chính sách hỗ trợ về y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế hằng năm đối với người ốm đau dài hạn, người mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì thực hiện quả hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em trên địa bàn tỉnh nhất là đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

**6. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Chủ trì triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ về giáo dục cho trẻ em, học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; tham mưu sửa đổi, bổ sung ban hành chính sách hỗ trợ miễn, giảm học phí, chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

**7. Sở Xây dựng:** Chủ trì triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa về nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở.

**8. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chủ trì triển khai hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận về thông tin; tham mưu cơ chế hỗ trợ, hướng dẫn hộ nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông.

**9. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:** Chủ trì tổ chức quản lý, đảm bảo thực hiện hiệu quả nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

**11. Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.**

## **12. UBND huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với các cấp, các ngành lồng ghép các chương trình kinh tế, xã hội với chương trình giảm nghèo; Huy động, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho công tác giảm nghèo.

- Triển khai, thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo theo đúng quy trình, chính xác, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định; Thực hiện đồng thời việc phân loại hộ nghèo theo từng nhóm nguyên nhân, để đưa ra các giải pháp can thiệp, hỗ trợ phù hợp tình hình của địa phương giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo, ổn định cuộc sống.

**13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức liên quan**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, vận động sự tham gia của xã hội, cộng đồng trong công tác giảm nghèo; Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương

trình giảm nghèo bền vững; Xây dựng và sử dụng có hiệu quả quỹ “Vì người nghèo”, thực hiện tốt Tháng cao điểm vì người nghèo, kêu gọi các tổ chức, cá nhân chung tay ủng hộ giúp đỡ để người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Thực hiện hiệu quả hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh đảm bảo theo Quy chế và sử dụng Quỹ Vì người nghèo các cấp.

- Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình thực hiện triển khai các chính sách giảm nghèo.

Yêu cầu các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, các địa phương căn cứ nội dung Kế hoạch chủ động triển khai thực hiện; báo cáo định kỳ kết quả về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX<sup>T</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Duy Hưng**

**Phụ lục 01**

**DỰ KIẾN**

**TỶ LỆ HỘ NGHÈO TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2023-2025**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)

STT	Huyện/TX/TP	Kết quả năm 2021			Kết quả năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)
1	Phù Cừ	29.822	946	3,17	29.409	650	2,21	29.609	448	1,51	30.009	319	1,06	30.209	195	0,65
2	Tiên Lữ	30.365	726	2,39	32.429	679	2,09	32.629	405	1,24	33.029	303	0,92	33.329	183	0,55
3	TP Hưng Yên	37.278	416	1,12	36.645	295	0,81	36.945	195	0,53	37.345	161	0,43	37.645	138	0,37
4	Kim Động	41.011	1.097	2,67	40.520	704	1,74	40.820	490	1,2	41.320	339	0,82	41.622	204	0,49
5	Ân Thi	48.409	2.338	4,83	48.459	1.835	3,79	48.959	936	1,91	49.649	525	1,06	50.204	365	0,73
6	Khoái Châu	66.020	2.180	3,30	66.287	1.501	2,26	66.687	765	1,15	67.287	486	0,72	68.036	351	0,52
7	Yên Mỹ	48.485	1.127	2,32	48.401	888	1,83	48.701	572	1,17	49.101	298	0,61	49.500	234	0,47
8	Mỹ Hào	36.162	516	1,43	35.957	457	1,27	36.257	298	0,82	36.457	189	0,52	36.655	132	0,36
9	Văn Lâm	35.439	602	1,70	35.624	505	1,42	35.824	318	0,89	36.024	199	0,55	36.222	138	0,38
10	Văn Giang	34.054	420	1,23	34.227	341	1,00	34.427	180	0,52	34.626	144	0,42	34.824	129	0,37
<b>Tổng cộng</b>		<b>407.045</b>	<b>10.368</b>	<b>2,55</b>	<b>407.958</b>	<b>7.855</b>	<b>1,93</b>	<b>410.858</b>	<b>4.607</b>	<b>1,12</b>	<b>414.847</b>	<b>2.954</b>	<b>0,71</b>	<b>418.246</b>	<b>2.069</b>	<b>0,49</b>

**Phụ lục 02: Bảng dự kiến chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Đơn vị thực hiện
1	<b>- Chiều thiếu hụt về việc làm:</b> Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	%	100	100	100	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	<b>- Chiều thiếu hụt về y tế:</b> + Tỷ lệ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế	%	100	100	100	100	Sở Y tế
	+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi	%	9,7	9,8	9,6	9	
	+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi	%	21	20,6	20,3	15	
3	<b>- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:</b> + Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi	%	93,9	95	97	99	Sở Giáo dục và Đào tạo
	+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo	%	63	64	66	68	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	26	27	28	29	
	+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.	%	100	100	100	100	
4	<b>- Chiều thiếu hụt về nhà ở:</b> Hộ nghèo có khó khăn về nhà ở có nhu cầu xây mới, sửa chữa được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở	%	100	100	100	100	Sở Xây dựng; Ủy ban MTTQ VN các cấp và các tổ chức chính trị xã hội
5	<b>- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:</b> + Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	60,68	75	88	100	Sở Nông nghiệp và PTNT

	+ Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.	%	80,47	82,56	84,65	86,74	Sở Y tế
6	<b>- Chiều thiếu hụt về thông tin:</b> Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.	%	90	93	96	98	Sở Thông tin và Truyền thông

**Phụ lục 3: NHIỆM VỤ XÂY DỰNG CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐẶC THÙ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)*

<b>Stt</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì thực hiện</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Thời gian trình cấp thẩm quyền ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề áp dụng cho lao động là người Hưng Yên học nghề ở các cấp trình độ	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Năm 2025	
2	Xây dựng chính sách hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, ưu tiên đối tượng bảo trợ xã hội	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Năm 2025	
3	Xây dựng chính sách về thu nhập, bảo hiểm xã hội cho người lao động	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Năm 2025	
4	Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào làm việc	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Năm 2025	
5	Xây dựng chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế hằng năm đối với người ốm đau dài hạn, người mắc bệnh hiểm nghèo và các đối tượng yếu thế có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hưng Yên từ 6 tháng trở lên, ngoài đối tượng quy định tại Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Y tế	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Năm 2025	
6	Xây dựng chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo kinh phí đầu nối nước sạch và nước sạch sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Năm 2025	

7	Xây dựng chính sách nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho nhóm đối tượng là người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Năm 2024	
---	---	-------------------------------------	---	----------	--